

Xu hướng tăng chứng lại

Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,504 điểm. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động bán đã quay trở lại và chiếm ưu thế. Giá trị bán ròng ở mức 60 tỷ đồng. Đáng chú ý, hoạt động bán ròng tập trung chủ yếu trên VRE, NVL, và HPG.

Đò thị VN30 Future: Đà tăng đã biến mất

VN30F2112 điều chỉnh trong phiên trước, xác nhận nhịp điều chỉnh ngắn hạn và đà tăng đã biến mất hoàn toàn. Cụ thể, các đường MA chủ đạo đã bị phá vỡ, nhịp điều chỉnh được xác nhận. Vùng 1,500 điểm sẽ là vùng hỗ trợ chủ đạo trong ngắn hạn, tiếp đến là vùng 1,450 điểm. Đáng chú ý, hợp đồng này đang được giao dịch quanh vùng hỗ trợ chủ đạo của nhịp chỉnh. Do vậy, vị thế bán mới sẽ rất rủi ro.

Chiến lược đầu tư

VN30F2112 đang được giao dịch quanh vùng hỗ trợ chủ đạo (1,500 điểm). Do vậy, traders nên đứng ngoài quan sát và chờ tín hiệu phản ứng của hợp đồng này với vùng 1,500 điểm.

Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai

(điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán	Thời gian còn lại
VN30 Index	1,504.0	(2.4)					
VN30F2112	1,509.0	(2.0)	150,443	30,140	1,541	16/12/2021	13
VN30F2201	1,511.9	(1.7)	344	373	1,542	20/01/2022	48
VN30F2203	1,505.0	(1.4)	105	151	1,543	17/03/2022	104
VN30F2206	1,503.0	(1.8)	784	242	1,545	16/06/2022	195

Nguồn: Bloomberg, KIS

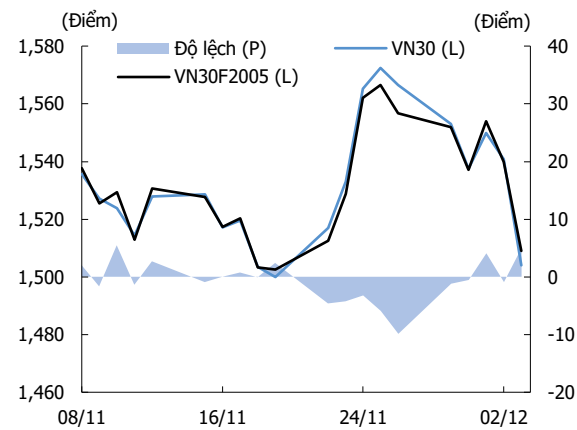
Đăng Lê
dang.lh@kisvn.vn

Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30

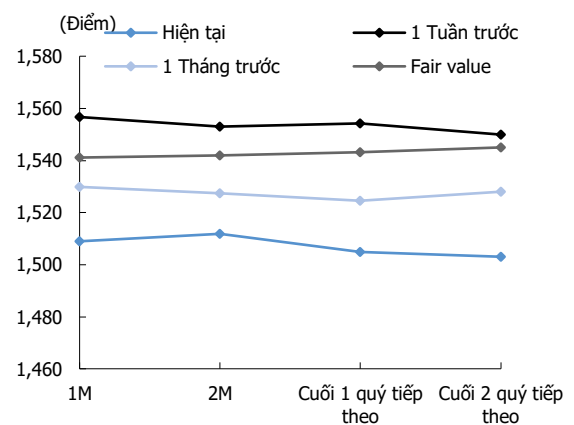
Published on TradingView.com, December 06, 2021 07:52:54 +07
 VN30F1M, 60 O: 1536.80 H: 1537.00 L: 1509.00 C: 1509.00



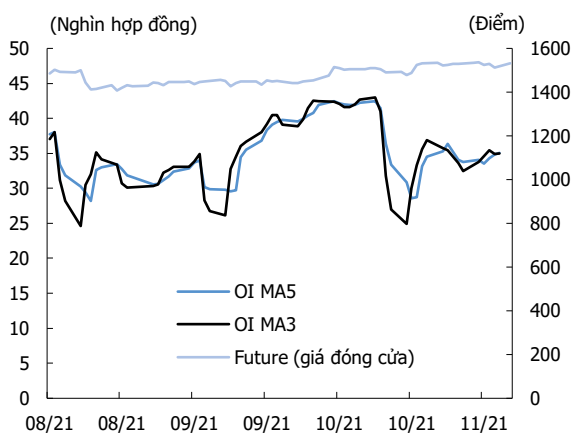
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Proportional Adjustment

Hình 2. Basis spread

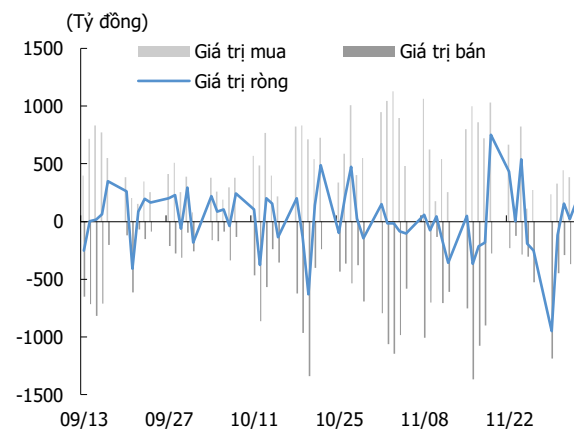
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 4. Open interest

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày

Nguồn: Bloomberg, KIS

Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	87,948	5.40	32,550	(2.0)	9.0	2.07	5,280	30.0	38,200	19,600
BID	BIDV	Tài chính	168,925	0.49	42,000	(5.0)	17.1	2.04	1,908	16.7	50,600	36,500
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	42,906	0.31	57,800	(4.6)	23.4	2.01	1,526	26.4	71,200	47,000
CTG	VietinBank	Tài chính	158,590	1.72	33,000	(2.4)	9.6	1.67	10,780	25.3	42,535	22,314
FPT	FPT Corp	CNTT	86,663	5.32	95,500	(1.7)	21.5	5.10	2,116	49.0	101,800	47,913
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	184,888	0.67	96,600	(1.8)	22.6	3.76	1,645	2.8	128,400	72,500
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	146,000	0.42	36,500	(5.6)	29.3	2.97	4,264	0.6	43,300	18,600
HDB	HDBank	Tài chính	61,758	3.12	31,000	(1.6)	11.0	2.24	4,306	17.2	33,950	16,160
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	213,358	8.32	47,700	(1.9)	6.7	2.54	27,549	24.4	58,400	26,148
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	29,607	1.39	46,050	(0.5)	24.8	3.03	2,859	31.5	51,100	24,227
MBB	MBBank	Tài chính	106,927	4.25	28,300	(2.7)	9.6	1.91	12,551	23.2	32,926	15,266
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	178,261	5.15	151,000	(0.7)	74.3	8.28	1,221	32.2	159,700	80,000
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	95,163	4.47	133,500	(2.6)	21.8	5.06	1,443	49.0	145,500	75,200
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	163,570	4.14	111,000	(2.9)	46.7	4.78	2,763	8.1	123,600	43,724
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	46,764	1.34	94,900	0.1	29.3	7.47	4,076	3.3	99,700	32,718
PLX	Petrolimex	Năng lượng	67,723	0.49	53,300	(4.0)	20.1	2.76	1,995	17.2	62,400	45,500
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	21,372	1.24	94,000	(3.5)	8.1	3.84	672	47.5	112,000	73,000
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	31,732	0.46	13,550	(4.2)	10.9	1.05	16,981	3.0	15,200	9,980
SAB	SABECO	TD thiết yếu	100,681	0.80	157,000	(1.3)	26.7	4.74	152	62.7	211,000	139,800
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	49,609	2.33	50,500	(6.5)	23.3	3.67	15,680	38.8	57,700	13,080
STB	Sacombank	Tài chính	52,786	3.62	28,000	(4.4)	15.0	1.58	16,399	17.3	33,900	15,450
TCB	Techcombank	Tài chính	176,248	8.28	50,200	(2.9)	10.1	2.01	14,548	22.5	58,600	24,750
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	55,069	2.39	47,000	(2.9)	10.6	2.22	5,578	29.5	49,900	21,550
VCB	Vietcombank	Tài chính	363,470	2.89	98,000	(1.1)	17.2	3.32	963	23.6	117,200	85,500
VHM	Vinhomes	Bất động sản	349,220	6.19	80,200	(2.6)	9.7	3.98	7,524	23.1	93,769	64,154
VIC	VinGroup	Bất động sản	401,450	8.30	105,500	(1.6)	84.5	3.95	2,799	13.5	129,689	82,222
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	65,210	2.36	120,400	0.0	30.1	3.84	876	16.8	138,500	105,800
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	179,318	5.18	85,800	(1.8)	19.0	5.77	3,393	54.5	117,200	84,000
VPB	VPBank	Tài chính	158,703	7.46	35,700	(3.5)	12.8	2.55	12,897	15.2	40,722	15,278
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	63,852	1.51	28,100	(5.2)	29.5	2.09	6,702	29.7	38,300	25,100

Nguồn: Bloomberg, KIS

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.